

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P L
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P L– TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Đệp**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Hồng Lành**

Ông **Trần Văn Phước**

Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P L, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P L, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc **“Tranh chấp ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa:

N đơn: Anh **N H Đ**– sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp B T, xã V P T, huyện P L, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **T A N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp P T, xã P L, huyện P L, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh Đ, chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2023 và trong quá trình tố tụng, N đơn anh N H Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N xây dựng hôn nhân từ tháng 4 năm 2022, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Hiện anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2023, lý do ly thân là do quan điểm của hai vợ chồng khác nhau, có nhiều mâu thuẫn nên cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, từ khi ly thân hai bên gia đình đã hàng gấn hôn nhân cho chúng tôi nhưng không kết quả. Anh Đ xác định không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với chị N nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N .

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị T A N trình bày :*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N thống nhất về thời gian chung sống vợ chồng, thời gian ly thân, hôn nhân giữa chị và anh Đ là tự nguyện nhưng chưa đăng kết hôn theo quy định, chị xác định hiện còn tình cảm với anh Đ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P L trình bày quan điểm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, N đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Không công nhận anh Đ và chị N là vợ chồng.

+ Về con chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh Đ yêu cầu ly hôn với chị N, chị N có địa chỉ tại huyện P L, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P L, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Anh Đ, chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị N là phù hợp với quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ, chị N tự nguyện sống chung như vợ chồng, mặc dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn chị N, chị N không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N H Đ và chị T A N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Với những phân tích trên xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đ phải chịu 300.000đ án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh N H Đ và chị T A N là vợ chồng.
2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ. Anh Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012571 ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P L nên được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Chị N không phải chịu án phí.
5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P L;
- Chi cục THADS huyện P L;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đệ